

Số: 73/BC-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm;
nhệm vụ, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo 6 tháng cuối năm 2019

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BẮC GIANG

ĐẾN Số: 2887

Ngày: 5/7/2019

Chuyên: 12 hợp (UBND) hinh

Xác định năm 2019 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định đến thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, kịch bản tăng trưởng cụ thể. Tập trung rà soát, đề xuất những chính sách, giải pháp có tính đột phá, thúc đẩy những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, tạo động lực cho phát triển. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, phát triển doanh nghiệp; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy chính quyền kiến tạo, phục vụ; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội...

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung diễn biến khó lường; bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được, kinh tế - xã hội cả nước vẫn còn nhiều khó khăn. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã nắm bắt tình hình, thường xuyên đối thoại, lắng nghe, ý kiến, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp; giải quyết linh hoạt, kịp thời những vấn đề cấp bách phát sinh. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật, phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết KNTC; trấn áp tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội... Các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đồng thuận, quyết tâm cao; do vậy, kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2019 tiếp tục khởi sắc, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng kinh tế 6 tháng duy trì đà tăng liên tục, kể từ năm 2013, đạt 15,78%, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành cả nước (sau Thanh Hóa 17,1%, Trà Vinh 17% và Hải Phòng 16,3%)⁽¹⁾. Trong đó, ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 4,42%; ngành công nghiệp - xây dựng tăng 27,08% (công nghiệp tăng 30,07%, xây dựng tăng 10,14%); dịch vụ tăng 6,54%; thuế sản phẩm tăng 10,88%. Trong bối cảnh sản xuất nông, lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn, ngành sản xuất dịch vụ chưa có chuyển biến rõ nét, ngành công nghiệp - xây dựng tiếp tục khẳng định vai trò là động lực chính đóng góp tới

¹ 6 tháng năm 2013 tăng 7,8%; năm 2014 tăng 8,1%; năm 2015 tăng 8,3%; năm 2016 tăng 8,5%; năm 2017 tăng 10,3%; năm 2018 tăng 13,3%.

14,76 điểm % cho tăng trưởng của tỉnh (*công nghiệp góp 13,93 điểm, xây dựng 0,83 điểm %*); ngành dịch vụ đóng góp 1,55 điểm %; thuế sản phẩm 0,31 điểm%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản làm giảm 0,84 điểm %.

Quy mô GRDP của tỉnh (*theo giá hiện hành*) ước đạt 48.950 tỷ đồng, đạt 48,3% kế hoạch. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 8.420 tỷ đồng; công nghiệp - xây dựng ước đạt 26.700 tỷ đồng; dịch vụ ước đạt 12.490 tỷ đồng, thuế sản phẩm ước đạt 1.340 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, chiếm 56,1%, tăng 5%; dịch vụ chiếm 26,2%, giảm 1,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 17,7%, giảm 3,4% so với cùng kỳ.

2. Công nghiệp – Xây dựng

2.1. Sản xuất công nghiệp

UBND tỉnh đã tập trung cao cho phát triển công nghiệp, trọng tâm là triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, các KCN, CCN; kịp thời thực hiện các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả các hoạt động khuyến công, tư vấn, hỗ trợ phát triển công nghiệp, đảm bảo điện cho sản xuất... Do vậy, tốc độ tăng trưởng ngành đạt mức cao nhất từ trước đến nay; hầu hết các ngành sản xuất đều tăng, chất lượng sản phẩm được cải thiện.

Toàn tỉnh hiện có 1.075 doanh nghiệp và hợp tác xã đang hoạt động sản xuất công nghiệp⁽²⁾. Giá trị sản xuất 6 tháng (*giá so sánh 2010*) ước đạt 80.650 tỷ đồng, tăng 31,3%% so cùng kỳ, đạt 47% kế hoạch. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến đạt 79.395 tỷ đồng, tăng 31,8%; công nghiệp khai thác đạt 280 tỷ đồng, tăng 0,5%; Công nghiệp sản xuất, phân phối điện đạt 715 tỷ đồng, tăng 3%, công nghiệp khai thác, cung cấp nước và xử lý rác thải đạt 70 tỷ đồng, tăng 8,5%.

Khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 2.155 tỷ đồng, tăng 9,8%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 8.810 tỷ đồng, tăng 11,9%; khu vực doanh nghiệp FDI đạt 69.495 tỷ đồng, tăng 35,1% so cùng kỳ⁽³⁾. Khu vực doanh nghiệp FDI tiếp tục chiếm tỷ trọng chi phối trong giá trị sản xuất công nghiệp và có xu hướng tăng lên.

Sản xuất công nghiệp theo các loại hình HTX và hộ kinh doanh cá thể tuy số lượng cơ sở tăng không nhiều nhưng quy mô sản xuất lại tăng khá mạnh, nhất là ngành sản xuất thực phẩm đồ uống và ngành sản xuất đồ gỗ. Giá trị sản xuất ước đạt 2.740 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ.

2.1. Xây dựng

UBND tỉnh đã chỉ đạo huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư, nhất là về giao thông, đô thị, dịch vụ... Hoạt động xây dựng trên địa bàn diễn ra khá sôi động. Nhiều doanh nghiệp đầu tư tiếp tục xây dựng, mở rộng sản xuất, kinh doanh; một số công trình, dự án trọng điểm được triển khai, như: Đường vành đai 4 Hà Nội (*địa phận tỉnh Bắc Giang*); đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (*qua tỉnh Bắc Giang*)... Bên cạnh đó, tình hình kinh tế ổn định, tích lũy từng bước được nâng lên, một số khu đô thị đã tiến hành san lấp mặt bằng bàn giao đất cho người dân nên

² Trong đó có 64 doanh nghiệp mới đi vào hoạt động và 43 doanh nghiệp mở rộng sản xuất đã đóng góp thêm 20.465 tỷ đồng vào giá trị sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, có 32 doanh nghiệp phải giải thể và dừng hoạt động cũng làm giá trị giảm 1.560 tỷ đồng.

³ Có 10 doanh nghiệp có giá trị sản xuất lớn trên 1.000 tỷ đồng như: Cty Fuhong Precision Component 15.735 tỷ đồng, tăng 14,2%; Cty Si Flex Việt Nam 4.875 tỷ đồng tăng 30,6%; Cty Vina Solar Technology 8.025 tỷ đồng, tăng 133,8%...

khu vực hộ dân cư đầu tư xây dựng tăng. Giá trị sản xuất toàn ngành (giá so sánh 2010) ước đạt 9.185 tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng được quan tâm, dần đi vào nề nếp; trình độ công nghệ được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng công trình trên địa bàn. Nhiều sản phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu trong tỉnh mà còn tham gia cung cấp cho các địa phương khác như: Gạch lát nền Cotto, gạch xây nung, gạch chịu lửa, vôi công nghiệp....

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai đánh giá tổng kết thực tiễn về phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh từ năm 1997 đến nay; thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược Phát triển Nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các đề án, chính sách hỗ trợ sản xuất, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; chủ động các phương án phòng, chống, khắc phục thiệt hại cho cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới...Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) ước đạt 9.970 tỷ đồng, bằng 95,6% so với cùng kỳ; trong đó nông nghiệp đạt 8.930 tỷ đồng, bằng 94,6%, lâm nghiệp 505 tỷ đồng, tăng 5,6%; thủy sản 540 tỷ đồng, tăng 5,2%.

3.1. Nông nghiệp

- *Trồng trọt*: Diện tích gieo trồng cây hàng năm tiếp tục giảm; song, nhờ tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đưa một số loại giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, cùng với điều kiện thời tiết tương đối thuận nên năng suất các loại cây trồng đạt khá; giá bán các sản phẩm trồng trọt ổn định ở mức cao, không có hiện tượng rớt giá và tồn đọng sản phẩm như các năm trước nên người dân yên tâm đầu tư sản xuất, sản lượng các loại cây trồng đạt xấp xỉ so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng đạt 97.300 ha, bằng 98,5%; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 336.505 tấn, bằng 98,8%; giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 4.580 tỷ đồng, tăng 0,9%.

Phương thức sản xuất có sự chuyển dịch tích cực, sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị có xu hướng tăng lên; các quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, Global GAP, ứng dụng công nghệ cao...được phổ biến và nhân rộng⁽⁴⁾. Cơ cấu các loại cây trồng được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao⁽⁵⁾. Sản lượng vải thiều năm 2019 đạt 147 nghìn tấn (*Vải sớm ước đạt 40 nghìn tấn; sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP ước đạt 100 nghìn tấn*), giảm 50 nghìn tấn so với năm 2018.

- *Chăn nuôi*: Theo hình thức trang trại, tập trung thành chuỗi khép kín, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao được mở rộng; năng suất, chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm chăn nuôi được cải thiện⁽⁶⁾. Đàn gia cầm vẫn phát triển tốt, riêng đàn lợn giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh⁽⁷⁾. Sản lượng thịt hơi ước đạt 90 nghìn tấn, bằng 79,1% cùng kỳ, đạt 38,7% kế hoạch.

⁴ Có 163 mô hình cánh đồng mẫu lớn với diện tích 5.159 ha; 179 mô hình nông nghiệp UDCNC với diện tích nhà lưới, nhà màng 311.000 m². Duy trì 58 vùng trồng vải thiều được cấp mã số đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào Mỹ với diện tích 218 ha.

⁵ Diện tích lúa chất lượng đạt 17.000 ha, chiếm 34%, sản lượng ước đạt 110.500 tấn, đạt 50,7%; diện tích rau an toàn theo hướng VietGAP 7.217 ha, tăng 23,4%; sản lượng đạt 141.900 tấn, tăng 21,3%; diện tích vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 14.300 ha, tăng 3,2% (*chiếm 50% tổng diện tích vải*), sản lượng ước đạt 100.100 tấn.

⁶ Đến nay đã có 59 HTX, 691 trang trại chăn nuôi lợn và gia cầm, có sự liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ; có 38 cơ sở liên kết nuôi gia công cho các doanh nghiệp; hình thành một số chuỗi chăn nuôi lợn sạch, lợn an toàn tại Tân Yên, Hiệp Hòa...

⁷ Cụ thể: đàn trâu 46,2 nghìn con, bằng 97,3%, đạt 111,2% kế hoạch; đàn bò 135,6 nghìn con, bằng 98,6%, bằng 95,5% kế hoạch; đàn lợn đạt 864 nghìn con, giảm 22,7%, bằng 75% kế hoạch; đàn gia cầm 15,8 triệu con, tăng 6% bằng 86% kế hoạch.

Trước diễn biến phức tạp của dịch tả lợn châu Phi, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng chống bệnh dịch, ban hành Kế hoạch thực hiện đợt cao điểm phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi, tăng cường công tác công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, xử lý ổ dịch, kiểm soát, kiểm dịch vận chuyển, vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường... Tính đến ngày 30/6/2019, toàn tỉnh đã chôn hủy 250.712 con lợn tương ứng 13.350 tấn.

3.2. Thủy sản

Sản xuất thủy sản theo hướng VietGAP, an toàn sinh học tiếp tục được mở rộng, đến nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 620 ha được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn, tăng 24% so với cùng kỳ. Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản là 12.420 ha, tăng 0,4%, đạt 100% kế hoạch. Đã sản xuất được 736 triệu con cá bột, bằng 95,8% cùng kỳ, đạt 92% kế hoạch; 303 triệu con cá hương, cá giống, tăng 14,3%, vượt kế hoạch. Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 21.910 tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ, đạt 47,6% kế hoạch.

3.3. Sản xuất lâm nghiệp

Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ phát triển rừng được quan tâm, số vụ vi phạm pháp luật bảo vệ rừng và cháy rừng giảm mạnh so với cùng kỳ⁽⁸⁾. Trong 6 tháng năm 2019, toàn tỉnh đã trồng được 5.048 ha rừng tập trung, vượt 0,9% kế hoạch, tăng 2%; 1,9 triệu cây phân tán các loại, vượt 26% kế hoạch, tăng 3%; thực hiện chăm sóc rừng trồng đạt 12.750 ha, đạt 78,7% kế hoạch, tăng 4.450 ha; sản lượng khai thác gỗ đạt 293.490 m³, đạt 49% kế hoạch, tăng 6,8% so với cùng kỳ.

3.4. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung cao; bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục... được cải thiện; số hộ nghèo giảm, đời sống người dân được nâng lên. Chỉ đạo triển khai xây dựng 09 thôn nông thôn mới kiểu mẫu; tính đến 30/6/2019 đã có 93 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 45,8%), tăng 04 xã so với năm 2018, số tiêu chí bình quân đạt 15,2 tiêu chí/xã. Một số huyện có tiến độ xây dựng nông thôn mới đạt khá, như: Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa...; riêng huyện Lạng Giang đã đạt 5/9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

4. Thương mại, dịch vụ

Ngành thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình. Sản xuất kinh doanh ổn định đã tác động tích cực, góp phần tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ đi kèm như: Thương mại, vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng... Giá trị sản xuất dịch vụ (giá so sánh 2010) ước đạt 11.795 tỷ đồng, tăng 11% cùng kỳ, đạt 48,6% kế hoạch.

4.1. Hoạt động thương mại

Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, mạng lưới bán buôn, bán lẻ; các mô hình trung tâm thương mại, siêu thị chợ ngày càng tăng về số lượng, quy mô và chất lượng. Đồng thời, tăng cường công tác

⁸ Xảy ra 6 vụ chặt phá rừng trái phép, giảm 4 vụ, diện tích bị phá 2,424 ha; kiểm tra, phát hiện lập biên bản 68 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, giảm 02 vụ, khối lượng gỗ vi phạm gần 30 m³, giảm 38,3 m³; xử lý hành chính 61 vụ, tịch thu gần 32 m³ gỗ các loại; thu nộp ngân sách trên 555 triệu đồng; khởi tố 02 vụ án. Xảy ra 04 vụ cháy rừng, giảm 02 vụ làm thiệt hại 3,2 ha, giảm 1,12ha.

chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, kiểm tra, kiểm soát thị trường⁽⁹⁾... Giá cả thị trường tương đối ổn định, giá xăng dầu, điện tăng song chưa tác động rõ rệt đến giá cả các mặt hàng tiêu dùng; hàng hóa phong phú đáp ứng nhu cầu của người dân, không có hiện tượng đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 6 tháng năm 2019 ước đạt 13.520 tỷ đồng, đạt 45,8% kế hoạch, tăng 13,2% so với cùng kỳ.

Hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt là xúc tiến tiêu thụ vải thiều và quảng bá các sản phẩm văn hóa, du lịch, nông sản tỉnh được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu, mang lại hiệu quả rõ nét; nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố và các đối tác thương mại⁽¹⁰⁾. Trước yêu cầu ngày càng cao của các nhà nhập khẩu và người tiêu dùng, năm 2019 tỉnh đã chú trọng tới việc đăng ký mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói và tem truy xuất nguồn gốc⁽¹¹⁾... Vải thiều được tiêu thụ khá thuận lợi, giá trị quả vải được nâng lên khá cao so với các năm trước, giá bán trung bình đạt 32.000 đ/kg; doanh thu từ vải thiều và các dịch vụ hỗ trợ đạt khoảng 6.365 tỷ đồng. Bên cạnh thị trường trong nước, quả vải được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc qua đường chính ngạch và một số nước⁽¹²⁾.

UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan đã tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian thông quan xuất nhập khẩu hàng hóa cho các doanh nghiệp. Giá trị xuất khẩu ước đạt 3,1 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ, đạt 38,4% kế hoạch; nhập khẩu ước đạt 2,9 tỷ USD, bằng 93,5% cùng kỳ, đạt 36,3% kế hoạch. Hàng hóa nhập chủ yếu là nguyên phụ liệu may mặc, sản xuất linh kiện điện tử, tấm pin năng lượng mặt trời, máy móc thiết bị... Xuất khẩu là các sản phẩm sản xuất hàng xuất khẩu, gia công từ nguyên phụ liệu nhập khẩu và nông sản.

4.2. Dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

Dịch vụ tài chính, ngân hàng tiếp tục phát triển. Các ngân hàng thương mại đã thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng hiệu quả, chú trọng vào tín dụng phục vụ sản xuất, tập trung các lĩnh vực ưu tiên; đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt⁽¹³⁾; tăng cường cho vay tiêu dùng nhằm hạn chế tín dụng đen; đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như: Bất động sản, chứng khoán... Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ tài chính ngân hàng và bảo hiểm (giá so sánh 2010) đạt 885 tỷ đồng, tăng 7,5% cùng kỳ. Tăng trưởng tín dụng cao hơn cùng kỳ, nợ xấu được kiểm soát. Ước đến 30/6/2019, tổng vốn huy động đạt 50.100 tỷ đồng, tăng 9,5%; dư nợ tín dụng đạt 48.500 tỷ đồng, tăng 6,7% so với 31/12/2018; nợ xấu là 450 tỷ đồng, chiếm 0,93% tổng dư nợ, tăng 0,18% so với 31/12/2018.

4.3. Dịch vụ giao thông vận tải và bưu chính, viễn thông

Dịch vụ giao thông vận tải tiếp tục phát triển; hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, nhu cầu vận chuyển, đi lại của người dân tăng cao đã góp phần nâng

⁹ Tính đến ngày 20/5/2019, lực lượng chức năng đã kiểm tra 902 vụ, tăng 14,4%, xử lý 607 vụ vi phạm bằng 84%. Tổng số tiền xử phạt VPHC, tiền bán hàng tịch thu và trị giá hàng hóa tiêu hủy đạt trên 5,1 tỷ đồng bằng 70,7% so với cùng kỳ.

¹⁰ Đã tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều và quảng bá các sản phẩm văn hóa, du lịch, các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh tại Thị Bằng Tường (Quảng Tây, Trung Quốc); Diễn đàn Kinh tế sản xuất, tiêu thụ vải thiều và quảng bá các sản phẩm văn hóa, du lịch, nông sản tại thành phố Bắc Giang; “Tuần lễ vải thiều Lục Ngạn - Bắc Giang năm 2019” diễn ra tại Hà Nội

¹¹ Tính đến thời điểm hiện nay có 18 mã vùng được Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ cấp tại 7 xã thị Trung Quốc cũng đã cấp 36 mã số vùng trồng vải thiều Lục Ngạn đảm bảo tiêu chuẩn xuất vào thị trường này cho 30 xã, thị trấn.

¹² Như: Trung Đông, EU, Nga, Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singgapo, Thái Lan, Úc,...

¹³ Tổng doanh số thanh toán không dùng tiền mặt 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 112.000 tỷ đồng.

giá trị tăng thêm ngành dịch vụ vận tải kho bãi đạt 725 tỷ đồng (*giá so sánh 2010*), tăng 11,9% cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển hành khách đạt trên 15,7 triệu lượt người, tăng 5%, đạt 50,2%; khối lượng vận chuyển hàng hóa trên 16,3 triệu tấn, tăng 11% cùng kỳ, đạt 52,3% kế hoạch.

Hạ tầng bưu chính viễn thông tiếp tục được đầu tư hiện đại, công nghệ cao; thông tin liên lạc thông suốt, đáp ứng yêu cầu trong chỉ đạo điều hành và nhu cầu của nhân dân; các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng mạng lưới, hoàn thiện hạ tầng viễn thông tại các khu đô thị, khu dân cư mới, mở rộng các loại hình dịch vụ. Giá trị tăng thêm toàn ngành ước đạt 960 tỷ đồng, tăng 5,9% cùng kỳ; doanh thu từ hoạt động bưu chính viễn thông đạt 1.085 tỷ đồng; nộp ngân sách nhà nước đạt 43 tỷ đồng.

4.4. Dịch vụ du lịch

Công tác quảng bá phát triển du lịch được quan tâm. UBND tỉnh đã tập trung nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ thu hút đầu tư một số khu du lịch trọng điểm nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc chủ yếu về tiếp cận mặt bằng; xây dựng, triển khai kế hoạch khảo sát, hỗ trợ hình thành điểm du lịch cộng đồng. Đã tổ chức thành công Lễ khai hội Xuân và Tuần Văn hóa-Du lịch với chủ đề “Khám phá vùng đất thiêng Tây Yên Tử” năm 2019. Nhiều khu, điểm, sản phẩm du lịch mới dần hình thành, thu hút nhiều khách du lịch thăm quan, trải nghiệm như: Khu du lịch văn hóa tâm linh Tây Yên Tử, Thiền viện Trúc lâm Phương Hoàng, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn... Lượng khách du lịch 6 tháng ước đạt 1,56 triệu lượt khách (*trong đó khách ngoài tỉnh đạt trên 290 nghìn, khách quốc tế đạt 18,5 nghìn lượt khách*), doanh thu từ lịch đạt trên 560 tỷ đồng.

5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác thu ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt ngay từ đầu năm; triển khai rà soát, đánh giá một số nguồn thu chưa được quản lý chặt chẽ như thu từ kinh doanh bất động sản, chuyển nhượng vốn, các khoản thu từ đất... Chủ động nắm sát tình hình sản xuất kinh doanh; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp các thủ tục về thuế; từng bước đưa vào quản lý các khoản thu mới như kinh doanh nhà trọ, kinh doanh vận tải, kinh doanh qua mạng... Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 5.478 tỷ đồng, đạt 67,2% dự toán, tăng 4,1%; trong đó thu nội địa 4.892 tỷ đồng, đạt 71% dự toán, tăng 1,6%; thu thuế xuất nhập khẩu 586 tỷ đồng, đạt 45,1% dự toán, tăng 31% so với cùng kỳ.

Thu nội địa tăng mạnh, đạt 2.254 tỷ đồng, đạt 58,9% dự toán, tăng 27,4%. Điểm nổi bật trong thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 là các khoản thu trực tiếp từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng cao. Có 13/13 khoản thu đều đạt trên 50% dự toán; đặc biệt có 02 khoản thu đã vượt dự toán (*Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước 89,9 tỷ đồng, vượt 12,4%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 30,6 tỷ đồng, vượt 2,1%*). Một số khoản thu tăng cao như từ doanh nghiệp FDI đạt 461 tỷ đồng, tăng 44,3%; thuế công thương nghiệp (NQD) 431 tỷ đồng, tăng 25,4%; thuế thu nhập cá nhân 330 tỷ đồng, tăng 37%... so với cùng kỳ.

Công tác thu hồi, xử lý nợ đọng thuế được triển khai quyết liệt, đạt được kết

quả tích cực⁽¹⁴⁾. Tính đến 31/5/2019, đã thu được 103,8 tỷ đồng tiền nợ thuế năm 2018, đạt 30,9% số nợ có khả năng thu; tuy nhiên, đã phát sinh 182,5 tỷ đồng nên tổng nợ đọng thuế tăng lên 675 tỷ đồng⁽¹⁵⁾.

Tổng chi ngân sách nhà nước ước đạt 7.270 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ, bằng 49,2% dự toán. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.596 tỷ đồng, tăng 14,7%; chi thường xuyên 4.645 tỷ đồng, tăng 20,4% so với cùng kỳ.

6. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 20.695 tỷ đồng, đạt 41,4% kế hoạch, tăng 28,6% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn khu vực nhà nước đạt 2.750 tỷ đồng, tăng 28%; vốn khu vực ngoài nhà nước đạt 12.065 tỷ đồng, tăng 13,2%; vốn đầu tư nước ngoài đạt 5.880 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ.

6.1. Đầu tư công

UBND tỉnh thường xuyên nắm chắc tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án lớn, trọng điểm thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019, đặc biệt là nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2018 sang năm 2019. Rà soát, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án lĩnh vực giao thông, lập chủ trương đầu tư các dự án y tế mở rộng quy mô giường bệnh. Quán triệt thực hiện nghiêm Chỉ thị chấn chỉnh công tác đấu thầu, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và đẩy lùi tình trạng tiêu cực, vi phạm trong đấu thầu...

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2019 tính đến tháng 6/2019 là 7.070 tỷ đồng, gồm: Kế hoạch vốn giao năm 2019 là 4.730 tỷ đồng; kế hoạch vốn năm 2018 chuyển nguồn sang năm 2019 là 2.284 tỷ đồng không bao gồm số vốn dự tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước và vốn ODA đã hủy thanh toán theo Nghị định 120/2018/NĐ-CP⁽¹⁶⁾. Ước đến 30/6/2019, giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 2.752 tỷ đồng, bằng 38,9%; giải ngân ước đạt 2.441 tỷ đồng, bằng 34,5% kế hoạch. Tổng số dự án cấp tỉnh quản lý có 13 dự án khởi công mới, kế hoạch vốn giao 373,3 tỷ đồng (gồm: 01 dự án sử dụng vốn NSTW và 12 dự án sử dụng vốn NS tỉnh); đến nay có 03 dự án đã khởi công; 02 dự án mua sắm trang thiết bị đang lựa chọn nhà cung cấp và dự kiến lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng tháng 10/2019; 8 dự án đang thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu, thiết kế BVTC-TDT và chuẩn bị khởi công.

Tổng số nợ đọng trong XDCB tính đến 31/5/2019 là 283,9 tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ, tăng 5% so với 31/12/2018; trong đó cấp tỉnh giảm 103 tỷ đồng, cấp huyện tăng 04 tỷ đồng, cấp xã tăng 112,5 tỷ đồng⁽¹⁷⁾. Chủ trương hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh được người dân hưởng ứng, đồng thuận cao, tạo phong trào rộng khắp trên toàn tỉnh; từng bước thay đổi bộ mặt giao thông nông thôn, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng sống của người dân. Tính đến 30/6/2019, toàn tỉnh đã cứng hóa được 1.170 km đường, đạt 90,7%; khối lượng xi măng hỗ trợ

¹⁴ Đã phát hành thông báo tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp gửi đến 7.215 lượt đơn vị, công khai 787 lượt đơn vị nợ thuế; đơn đốc thu nợ qua điện thoại 3.331 lượt đơn vị; ban hành 291 quyết định cưỡng chế thuế.

¹⁵ Trong đó nợ có khả năng thu là 405.292 tỷ đồng, nợ khó thu là 266.502 tỷ đồng, nợ chờ xử lý 1.715 tỷ đồng, nợ đang khiếu nại là 1.214 tỷ đồng.

¹⁶ Vốn NS tỉnh 485 tỷ đồng; vốn NSTW thực hiện các chương trình mục tiêu 149 tỷ đồng; vốn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG 27 tỷ đồng; vốn TPCP 289 tỷ đồng; vốn ODA 15,956 tỷ đồng; chuyển nguồn tiền đất các huyện, TP là 1.295 tỷ đồng.

¹⁷ Một số huyện còn nợ cao như: Hiệp Hòa 41,3 tỷ đồng, Lục Ngạn 45,5 tỷ đồng, Lạng Giang 31,7 tỷ đồng...

291.933 tấn, bằng 98,1% kế hoạch; trong đó nổi bật là huyện Yên Dũng 230km, vượt 183,5% kế hoạch, huyện Lạng Giang 162 km, vượt 15,6% kế hoạch.

6.2. Đầu tư ngoài ngân sách và phát triển kết cấu hạ tầng

Tiếp tục tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp... Trong 6 tháng, nhiều doanh nghiệp mở rộng đầu tư, một số công trình trọng điểm có giá trị vốn đầu tư lớn đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện⁽¹⁸⁾, đã góp phần đưa tổng vốn đầu tư thực hiện khu vực ngoài ngân sách tăng khá, ước đạt 11.445 tỷ đồng, tăng 7,3% so cùng kỳ. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, hoàn thiện các thủ tục triển khai các dự án theo hình thức BT; đến nay, trên địa bàn tỉnh có 10 dự án BT đang triển khai thực hiện (không bao gồm 05 dự án đang trình HĐND tỉnh điều chỉnh sang thực hiện theo hình thức đầu tư công), trong đó: 02 dự án đã cơ bản hoàn thành; 04 dự án đã lựa chọn xong nhà đầu tư và đang triển khai thi công; 01 dự án đã phê duyệt xong thiết kế BVTC-DT, chưa lựa chọn nhà đầu tư; 03 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Công tác phát triển đô thị được quan tâm, trọng tâm là phát triển các khu đô thị, khu dân cư mới. Đã ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch, quản lý đầu tư và xây dựng; triển khai xây dựng quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng; xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang... Tỷ lệ dân số đô thị đạt 15,4%, tăng 0,5% so cùng kỳ năm 2018.

6.3. Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

a. Cải thiện môi trường đầu tư

Tiếp tục tập trung cao cho công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Trọng tâm triển khai Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; đánh giá tổng kết thực tiễn “Thực trạng thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên địa bàn tỉnh từ năm 1997 đến nay, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới”. Giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp xử lý các dự án vi phạm theo kết quả rà soát các dự án đầu tư tại Kế hoạch số 342/KH-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh. Tập trung phân tích, đánh giá chỉ số PCI năm 2018, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm cải thiện trong năm 2019⁽¹⁹⁾.

b. Kết quả thu hút đầu tư

Kết quả thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư FDI tăng mạnh so với cùng kỳ; tính đến 30/6/2019, đã cấp mới và điều chỉnh cho 86 dự án đầu tư, bằng 72%, tổng số vốn đầu tư quy đổi đạt 542 triệu USD, tăng 73,8%. Trong đó, cấp mới 34 dự án trong nước, bằng 57,6%, vốn đăng ký 540 tỷ đồng, bằng 47,5%; cấp mới 34 dự án FDI, tăng 13,3%, vốn đăng ký 340,6 triệu USD, gấp 3,1 lần; điều chỉnh tăng vốn 17 dự án FDI,

¹⁸ Một số dự án công trình có giá trị lớn: CTCP tập đoàn Quang Minh dự án nhà ở chung cư 15; 18 tầng giá trị thực hiện lũy kế 320 tỷ đồng; dự án đầu tư cảng Logistic 200 tỷ đồng, dự án giai đoạn 2 nhà máy nước DNP Bắc Giang 380 tỷ đồng...

¹⁹ Chỉ số PCI năm 2018 của tỉnh đạt 63,01 điểm, tăng 0,81 điểm; xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố, giảm 6 bậc so với năm 2017.

vốn đăng ký bổ sung 178,6 triệu USD, gấp 2,4 lần⁽²⁰⁾ so với cùng kỳ. Tổng số vốn FDI đăng ký mới và bổ sung đạt 519 triệu USD, gấp 2 lần, đạt 74,2% kế hoạch (*Bắc Giang đứng thứ 8/63 tỉnh, thành cả nước về thu hút FDI*). Đã thu hút được một số dự án có quy mô lớn như: Dự án Lens Việt Nam 150 triệu USD; dự án Nhà máy Seojin Việt Nam 100 triệu USD, 01 dự án điều chỉnh tăng vốn là 109 triệu USD. Tổng vốn thực hiện của các dự án FDI ước đạt 250 triệu USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ.

c. Phát triển doanh nghiệp

Các hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp phát huy hiệu quả, phong trào khởi nghiệp phát triển mạnh. Tính đến 30/6/2019, đã có 651 doanh nghiệp được thành lập mới, tăng 7,6% so với cùng kỳ; tổng số vốn đăng ký là 5.930 tỷ đồng, tăng 7,6%; có 156 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 68,1%. Bên cạnh đó, có 85 doanh nghiệp, chi nhánh giải thể và xóa tên, 232 doanh nghiệp, chi nhánh tạm ngừng hoạt động⁽²¹⁾. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh duy trì đối thoại, tiếp thu những phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhìn chung ổn định, tổng vốn thực hiện của các doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng mạnh, ước đạt 3.465 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ.

Tích cực triển khai tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch; đến nay, đã thực hiện xong phương án chuyển đổi, phương án góp vốn, cử người đại diện vốn nhà nước đối với Công ty TNHH hai thành viên lâm nghiệp Lục Ngạn và Yên Thế. Tiến hành định giá 06 đơn vị sự nghiệp để thực hiện các bước chuyển thành công ty cổ phần theo kế hoạch⁽²²⁾. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển kinh tế tập thể. Từ đầu năm đến nay, có 38 HTX thành lập mới, trong đó có 26 HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 12 HTX thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp; có 23 HTX giải thể (*16 HTX Nông nghiệp, 07 HTX phi Nông nghiệp*)⁽²³⁾.

7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai có nhiều cố gắng; tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất⁽²⁴⁾; đẩy mạnh giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong lĩnh vực đất đai, bồi thường; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2019, đã cấp được 279 giấy chứng nhận QSDĐ cho 75 tổ chức với diện tích 38,21 ha, đạt 139% kế hoạch; 13.734 giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân, tăng 20% so với cùng kỳ; trong đó cấp mới 7.427 giấy, cấp đổi 6.307 giấy (*cấp giấy chứng nhận QSDĐ sau dồn điền đổi thửa được 3.314 trường hợp*).

²⁰ Đến nay, toàn tỉnh có 1.565 dự án đầu tư, trong đó có 1.161 dự án đầu tư trong nước tổng vốn đăng ký là 81/277 tỷ đồng; 404 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký là 4.763,6 triệu USD.

²¹ Toàn tỉnh hiện có 8.824 DN với số vốn đăng ký là 60.189 tỷ đồng; 391 doanh nghiệp FDI vốn đăng ký là 3,234 tỷ USD.

²² Trung tâm Kiểm định kỹ thuật phương tiện thiết bị giao thông cơ giới; Bến xe khách Bắc Giang; Trung tâm Giồng nồm Bắc Giang; Trung tâm quy hoạch xây dựng; Trung tâm giám định chất lượng; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

²³ Lũy kế có 714 HTX, trong đó 461 HTX nông nghiệp chiếm 64,6%; 233 HTX phi nông nghiệp chiếm 32,6%; 20 quỹ tín dụng nhân dân chiếm 2,8%. Tổng vốn điều lệ là 1.543 tỷ đồng, với 34.933 thành viên. Toàn tỉnh hiện có 05 liên hiệp HTX đang hoạt động, tổng vốn điều lệ là 142 tỷ đồng, tổng số 28 thành viên.

²⁴ Ban hành quyết định ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể; thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn, cho phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trên địa bàn tỉnh; quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy định hạn mức đất giao làm nhà ở; hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao và diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa áp dụng trên địa bàn tỉnh; quy định Quản lý, thăm dò, khai thác, vận chuyển đất san lấp, đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh...

Công tác quản lý môi trường và bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước được chú trọng. Thực hiện nghiêm túc kết quả giám sát của HĐND tỉnh về các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015-2018. Ban hành kế hoạch tuyên truyền, tập huấn chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, giai đoạn 2019-2025; Đề án tăng cường năng lực quản lý môi trường cấp cơ sở. Rà soát, đánh giá tình hình thu gom, xử lý rác thải; tăng cường kiểm tra, xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là khai thác đất san lấp mặt bằng và khai thác cát, sỏi lòng sông theo kế hoạch và phản ánh của người dân⁽²⁵⁾.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo, đảm bảo tinh giản đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tích cực xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo hoàn thành việc khắc phục tình trạng nhà vệ sinh không đảm bảo trong năm 2019... Quy mô trường lớp được đảm bảo hợp lý hơn; các trường sau sáp nhập đã nhanh chóng đi vào ổn định. Toàn tỉnh hiện có 782 cơ sở giáo dục, giảm 51 cơ sở so với cùng kỳ. Đến ngày 30/6/2019, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 88,5%, tăng 2%; có 661 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 85,6%, tăng 2,4% so với cùng kỳ.

Quan tâm bồi dưỡng sắp xếp đội ngũ nhà giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đúng tỷ lệ theo quy định và yêu cầu chuẩn nghề nghiệp⁽²⁶⁾; đồng thời, nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Năm học 2018-2019 tỷ lệ giáo viên/lớp ở mầm non đạt 1,8; tiểu học đạt 1,4; THCS đạt 2,0; THPT đạt 2,2. Đã tổ chức tốt kỳ thi THPT quốc gia năm 2019.

Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao chất lượng dạy và học; chất lượng học sinh giỏi cấp quốc gia tiếp tục được duy trì trong top các tỉnh dẫn đầu cả nước; nổi bật có 01 học sinh đạt Huy chương Bạc kỳ thi Olympic Vật lý Châu Á lần thứ 20.

2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm từ tỉnh đến xã hoạt động hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2019, trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh lớn, nguy hiểm; các bệnh truyền nhiễm có số mắc thấp hơn và tương đương so với cùng kỳ. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm có nhiều chuyển biến. Tăng cường công tác truyền thông; đồng thời, tổ chức kiểm tra liên ngành, chuyên ngành đối với các cơ

²⁵ Tổ chức kiểm tra pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 07 cơ sở; đã kết luận đối với 03 cơ sở; kiểm tra đột xuất đối với 17 cơ sở, kết luận đối với 04 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính đối với 03 cơ sở với tổng số tiền phạt 970 triệu đồng. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật quy định của pháp luật về khoáng sản của 03 doanh nghiệp; quyết định xử phạt với tổng số tiền trên 730 triệu đồng, buộc 02 doanh nghiệp nộp lại số lợi ích bất hợp pháp với tổng số tiền là 424,76 triệu đồng; tước quyền sử dụng giấy phép đã cấp đối với 02 doanh nghiệp (01 doanh nghiệp với thời hạn 03 tháng, 01 doanh nghiệp với thời hạn 4,5 tháng)

²⁶ Đến nay, 100% CBQL có trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn; 99,9% GV mầm non và 100% GV tiểu học có trình độ từ trung cấp trở lên; 99,85% GV THCS có trình độ cao đẳng trở lên; 100% GV THPT công lập có trình độ đại học, 16,57% GV THPT có trình độ thạc sĩ.

sở thực phẩm. Đã thanh tra, kiểm tra 3.725 lượt cơ sở; phát hiện 486 cơ sở có vi phạm, xử phạt 137 cơ sở với số tiền trên 260 triệu đồng.

Đẩy nhanh việc lập hồ sơ sức khỏe điện tử. Đánh giá tình hình tự chủ tài chính, biên chế của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, phát triển các khoa, phòng mang tính chuyên sâu; triển khai xây nhà vệ sinh công cộng tại các bệnh viện. Nhìn chung, hệ thống mạng lưới y tế phát triển ổn định, chất lượng công tác khám chữa bệnh được nâng lên. Tỷ lệ số xã/phường/thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế là 96,5%, tăng 1,8% so với cùng kỳ.

Tăng cường kiểm soát và sử dụng có hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập. Việc sử dụng Quỹ BHYT được giao năm 2019 tại các đơn vị được quản lý và kiểm soát hiệu quả hơn. Ước 6 tháng đầu năm 2019 có khoảng 1.593.290 lượt người đi khám chữa bệnh BHYT, tăng 7,6%; kinh phí khoảng 650 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ, đạt 54% kế hoạch.

3. Văn hóa, thể thao, thông tin

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Đã chỉ đạo triển khai Kế hoạch thực hiện thí điểm “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình”; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai việc thực hiện nếp sống văn minh việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh⁽²⁷⁾; tổ chức tốt các hoạt động văn hoá - thể thao trước, trong và sau Tết Nguyên đán đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của nhân dân⁽²⁸⁾.

Công tác bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc được tăng cường. Chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị công nhận địa điểm di tích Chiến thắng Xương Giang, thành phố Bắc Giang là di tích Quốc gia đặc biệt; công nhận Lễ hội Vật Cầu Nước làng Vân, huyện Việt Yên là danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, di tích được tập trung cao; kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và công tác công tác tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn⁽²⁹⁾.

Phong trào thể dục thể thao gắn với Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục duy trì và phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia; thể thao thành tích cao có nhiều tiến bộ⁽³⁰⁾.

Công tác quản lý các hoạt động thông tin, báo chí được tăng cường. Các cơ quan báo chí phát thanh, truyền hình tiếp tục được nâng cao chất lượng, nội dung, phản ánh đầy đủ, kịp thời các vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội trong tỉnh và cả nước, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin, giải trí của nhân dân. Đài Phát thanh

²⁷ Trong 6 tháng, toàn tỉnh có trên gần 8.000 đám cưới, trên 3.200 đám tang, cơ bản các đám cưới, đám tang được thực hiện theo quy định, trong đó có 520 đám tang thực hiện hỏa táng, điện táng, chiếm tỷ lệ 16%, một số địa phương thực hiện tốt công tác hỏa táng, điện táng như: TP Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, Yên Dũng, Việt Yên.

²⁸ Nhiều hoạt động được tổ chức quy mô, thu hút đông đảo người dân tham gia như: Hội Báo Xuân 2019, chương trình nghệ thuật đặc biệt tại Quảng trường 3/2 thành phố Bắc Giang; tổ chức bắn pháo hoa chào đón năm mới Kỷ Hợi 2019 tại 9/10 huyện, thành phố; Liên hoan hát Văn, hát Châu văn tỉnh Bắc Giang lần thứ III năm 2019; Ngày Thơ Việt Nam lần thứ XVII...

²⁹ Đã tổ chức kiểm tra công tác quản lý, hoạt động của 18 lễ hội; kiểm tra được 60/90 di tích trên địa bàn, đạt 67% kế hoạch.

³⁰ Tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên đạt 34,2%, tăng 0,8%. Đã tổ chức thành công 09 giải thể thao cấp tỉnh; đăng cai tổ chức thành công giải vô địch Cờ vua toàn quốc năm 2019, tham dự có trên 200 HLV, VĐV đến từ 18 tỉnh, thành, ngành trong cả nước. Tham gia thi đấu 18 giải trong nước và quốc tế, giành được 54 huy chương các loại (08 HCV, 18 HCB, 28 HCD).

và Truyền hình tỉnh đã phát sóng 10.000 tin, bài phát thanh, truyền hình; Báo Bắc Giang phát hành khoảng 4.200 tác phẩm, đăng tải 3.000 tin bài trên trang điện tử...

4. Khoa học và công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường. Ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. Chất lượng đề tài, dự án hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Nhiều dự án sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, như: Hoa lan, rau, ngọc trai, khoai tây... Toàn tỉnh, hiện đang triển khai 60 nhiệm vụ KH&CN, kinh phí 114,5 tỷ đồng; trong đó có 09 nhiệm vụ cấp quốc gia, 22 nhiệm vụ cấp tỉnh, 29 nhiệm vụ cấp cơ sở. Đã có 20 doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, triển khai các dự án KH&CN, kinh phí đối ứng 69,2 tỷ đồng⁽³¹⁾.

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ xây dựng thương hiệu và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm của tỉnh. Đã có thêm 04 sản phẩm được bảo hộ, riêng vải thiều Lục Ngạn được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng xăng dầu. Tổ chức thẩm định công nghệ 11 dự án đầu tư, có ý kiến thẩm định đối với 18 dự án đầu tư.

5. Tình hình đời sống nhân dân, lao động, việc làm và chính sách xã hội

Các cấp, các ngành đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công, các chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội⁽³²⁾... Các chính sách giảm nghèo như: hỗ trợ xây dựng nhà đối với hộ nghèo, hỗ trợ các đề án nhân rộng mô hình giảm nghèo... được thực hiện hiệu quả. Đời sống nhân dân ổn định; tỷ lệ hộ nghèo giảm, theo kết quả rà soát, thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 7,29%, hộ cận nghèo 7,06%. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; đến nay đã hoàn thành bước thu thập thông tin, vượt 2,5 ngày so với kế hoạch.

Công tác quản lý nhà nước về lao động, tiền lương, BHXH được quan tâm. Thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp cơ bản ổn định; các chế độ chính sách BHXH, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động đã được doanh nghiệp quan tâm hơn. Tính đến 31/5/2019, có 2.426 doanh nghiệp tham gia BHXH, BHYT, tăng 11,9% so với cùng kỳ, chiếm tỷ lệ 56,4% doanh nghiệp đang hoạt động; có 250.991 người tham gia BHXH, tăng 15,6% (trong đó có 6.082 người tham gia BHXH tự nguyện, tăng 30,1%, đạt 80,6% kế hoạch); tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 95,6%, vượt 8,3% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao. Số nợ BHXH từ 03 tháng trở lên là 48,9 tỷ đồng, giảm 22,3% cùng kỳ.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo, 6 tháng đầu năm đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 14.415 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,8%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 43,4%; tạo việc làm cho

³¹ Một số doanh nghiệp tiêu biểu như: Công ty TNHH 1TV Kim Hoàng, Công ty TNHH Hương Dung, DNTN Quảng Hiếu, Công ty TNHH Sinh vật cảnh Hoàng Linh, CTCP lâm y dược Bắc Sơn, HTX Rau sàch Yêu Dững ...

³² Trong dịp tết Nguyên đán năm 2019, toàn tỉnh đã cấp đã cấp 81.116 suất quà với tổng số tiền trên 27 tỷ đồng đến người có công và thân nhân trên địa bàn tỉnh; .68.696 suất quà với số tiền 27,7 tỷ đồng cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. trợ cấp hàng tháng đối với NCC và thân nhân của họ: 34 trường hợp; Đề nghị truy tặng bà Mẹ VNAH: 12 trường hợp; trợ cấp 1 lần đối với NCC hoặc thân nhân người có công: 452 trường hợp. Tính đến 31/12/2018, toàn tỉnh có 33.156 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 7,29%; Số hộ cận nghèo 32.100 hộ, chiếm tỷ lệ 7,06 %.

16.668 lao động (*xuất khẩu lao động là 1.920 người, chiếm 11,51%*), đạt 56,1% kế hoạch, tăng 0,4% cùng kỳ.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Công tác cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước tiếp tục được tập trung chỉ đạo. Đã ban hành danh mục thủ tục hành chính giải quyết “4 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; duy trì hoạt động Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh, vận hành trên 73 hệ thống phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành của 41 cơ quan, đơn vị. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý qua phần mềm “một cửa điện tử” tăng so với cùng kỳ⁽³³⁾. Chỉ số hiệu quả hành chính công cấp tỉnh (*phản ánh hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công – PAPI*) năm 2018 của tỉnh có bước tiến mạnh mẽ trên bảng xếp hạng trong cả nước, đạt 46,8 điểm, tăng 13,46 điểm, đứng thứ 3/63 tỉnh, thành phố, tăng 23 bậc so với năm 2017.

Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, nâng cao năng lực hiệu quả điều hành được thực hiện quyết liệt. Tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển Công nghệ thông tin trên địa bàn, giai đoạn 2019-2025. Triển khai Đề án về sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; Đề án sắp xếp tổng thể đơn vị hành chính cấp xã, giai đoạn 2019-2021. Ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và bố trí kiêm nhiệm những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố. Thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế viên chức, người lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ chi thường xuyên và tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Các hoạt động xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm. UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố các danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018; xây dựng báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản của HĐND, UBND các cấp tỉnh Bắc Giang kỳ 2014-2018; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh. Thực hiện rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực đất đai. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực: văn hóa, thể thao, quảng cáo, thu hồi đất, BHYT, BHXH...

Công tác thi hành án dân sự được thực hiện đúng quy định, hiệu quả được nâng lên. Toàn tỉnh, đã thụ lý 8.954 vụ việc thi hành án dân sự, tăng 1,1% (*phát sinh mới 4.820 vụ, tăng 4,9%*); số tiền thụ lý 1.465 tỷ đồng, tăng 4,9% (*phát sinh mới 565 tỷ đồng*); đã giải quyết xong 4.087 vụ việc, đạt tỷ lệ 67,2%, giảm 0,3%; tổng số tiền gần 102 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 20,8%, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

³³ Toàn tỉnh, có 2.297 thủ tục hành chính, trong đó có 1.297 dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2; 612 dịch vụ mức độ 3; 106 dịch vụ mức độ 4. Trong 6 tháng đầu năm, Trung tâm phục vụ hành chính công đã tiếp nhận xử lý 30.047 hồ sơ, trong đó tiếp nhận mới 25.463 hồ sơ, đã giải quyết đúng và trước hạn 29.052 hồ sơ đạt tỷ lệ 96,7%.

3. Công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng chống tham nhũng, thanh tra tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra và phòng chống tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về kê khai, công khai minh bạch tài sản thu nhập. Tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế theo Kết luận số 282-TB/TU ngày 15/12/2017 của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện công tác thanh tra; tập trung siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành thanh tra gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động thanh tra.

Đã triển khai 70 cuộc thanh tra hành chính, tăng 16 cuộc trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội tại 246 đơn vị; 89 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, tăng 08 cuộc đối với 926 tổ chức, cá nhân. Phát hiện sai phạm với tổng số tiền trên 11,2 tỷ đồng và 29.763m² đất các loại; yêu cầu thu hồi về ngân sách nhà nước trên 4,3 tỷ đồng, xử lý bằng các biện pháp tài chính khác trên 6,8 tỷ đồng; xử lý hành chính đối với 01 tập thể, 43 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 03 vụ việc, 03 đối tượng.

4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư KNTC

Chỉ đạo thực hiện công khai thông báo lịch tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân theo quy định; người đứng đầu các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân, tổ chức đối thoại, xử lý, giải quyết nghiêm túc những phản ánh, kiến nghị, KNTC của nhân dân. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 04 văn bản chấn chỉnh, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC⁽³⁴⁾; Kế hoạch thực hiện đợt cao điểm về giải quyết KNTC và thực hiện các quyết định, kết luận giải quyết KNTC trên địa bàn; thành lập Tổ công tác của UBND tỉnh để kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh⁽³⁵⁾; đồng thời, giải quyết dứt điểm các quyết định, kết luận giải quyết KNTC.

Sáu tháng, toàn tỉnh đã tiếp 3.638 lượt người đến đề nghị giải quyết 2.837 vụ việc, giảm 128 lượt so với cùng kỳ; tiếp nhận 3.570 đơn các loại, tăng 361 đơn; số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết là 1.407 đơn; đã xem xét giải quyết xong 1.136 đơn, đạt tỷ lệ 80,7%, giảm 3,9%. Đã thu hồi về cho nhà nước trên 136 triệu đồng, xử lý hành chính 30 cá nhân có sai phạm, chuyển cơ quan điều tra 04 vụ việc, 04 đối tượng.

5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, toàn diện; chủ động quản lý, nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo nhiệm vụ diễn tập KVPT tỉnh Bắc Giang năm 2019. Tổ chức đánh giá sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TU ngày 26/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh

³⁴ Công văn số 287/UBND-TCD ngày 24/01/2019 về phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trong dịp Tết Nguyên đán và các sự kiện chính trị quan trọng; số 374/UBND-TCD ngày 30/01/2019 về tuyên truyền, vận động, đưa công dân trở về địa phương; số 1204/UBND-TCD ngày 11/4/2019 chỉ đạo nâng cao chất lượng tham mưu, giải quyết KNTC, chấp hành nghiêm về trình tự, thủ tục, thời hạn kiểm tra xác minh vụ việc; Công văn số 1845/UBND-NC ngày 30/5/2019 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành thanh tra.

³⁵ Tổng số vụ việc KNTC đông người, phức tạp phải giải quyết là 29 vụ việc (06 vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh, 23 vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện, thành phố); đến nay Chủ tịch UBND tỉnh đang xem xét, ban hành văn bản giải quyết 05/06 vụ việc thuộc thẩm quyền, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố đã giải quyết xong 08/23 vụ việc. Có 152 quyết định, kết luận phải giải quyết dứt điểm; đã thực hiện xong 92 quyết định, kết luận đạt tỷ lệ 60,5%.

uy về tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; hướng dẫn đưa địa bàn ra khỏi diện trọng điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội. Các huyện, thành phố đã tổ chức tốt Lễ giao nhận quân năm 2019 đúng nghi lễ, nhanh, gọn, an toàn, đảm bảo chỉ tiêu, cụ thể đã giao đủ 2.600 tân binh cho các đơn vị nhận quân.

Tăng cường phòng ngừa, phát hiện, điều tra xử lý, giảm tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em. Tập trung làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp tội phạm; triệt phá các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, ma túy trên địa bàn; tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội giảm so với cùng kỳ⁽³⁶⁾.

Tích cực triển khai nhiều hoạt động đối ngoại nhằm tăng cường mở rộng quan hệ của tỉnh với các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, cơ quan hợp tác quốc tế, các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực nhất là lĩnh vực kinh tế; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, xúc tiến hợp tác hữu nghị với địa phương nước ngoài. Sáu tháng, đã tổ chức tiếp 12 đoàn khách quốc tế tới thăm và làm việc tại tỉnh; phê duyệt và tiếp nhận mới 04 dự án phi chính phủ nước ngoài, 03 khoản viện trợ phi dự án, giá trị trên 125 nghìn USD.

6. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Mở các đợt cao điểm bảo đảm trật tự ATGT tập trung kiểm tra xử lý các phương tiện vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải, coi nói thành thùng trái quy định; ngăn chặn TNGT do uống rượu, bia... Trong 6 tháng, đã kiểm tra, xử lý 28.404 trường hợp vi phạm, tạm giữ 5.413 phương tiện, tước 3.308 giấy phép lái xe, phạt thu nộp ngân sách 15,6 tỷ đồng. Tai nạn giao thông giảm so với cùng kỳ; đã xảy ra 201 vụ, giảm 18%, làm chết 103 người, giảm 12%, bị thương 177 người, giảm 7%.

Tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn. Chỉ đạo thành lập đoàn công tác liên ngành kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy đối với một số cơ sở trọng điểm có nhiều nguy cơ về cháy nổ như các cơ sở kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng, khách sạn, nhà nghỉ, karaoke, cơ sở kinh doanh, dịch vụ giải trí... Đã xảy ra 20 vụ cháy, tương đương với cùng kỳ, làm chết 03 người, bị thương 05 người, thiệt hại tài sản khoảng 23,5 tỷ đồng; 04 vụ nổ, làm chết 02 người.

B. TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. VỀ TỒN TẠI HẠN CHẾ

1. Lĩnh vực kinh tế, đầu tư xây dựng và tài nguyên môi trường

Chất lượng tăng trưởng còn chậm được cải thiện⁽³⁷⁾. Ngành dịch vụ chưa có bước đột phá, tăng trưởng dịch vụ thấp hơn cùng kỳ. Tình hình buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại vẫn diễn biến phức tạp.

Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn thách thức, tăng trưởng âm. Việc liên kết sản xuất theo chuỗi mức độ bền vững chưa cao, khả năng nhân rộng chậm; tình trạng vi phạm trong kinh doanh vật tư nông nghiệp, thuốc BVTV, thú y kém chất lượng còn xảy ra. Dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp và lây lan nhanh tại

³⁶ Trên địa bàn xảy ra 294 vụ vi phạm pháp luật và trật tự xã hội, giảm 46 vụ; làm chết 10 người, bị thương 99 người, thiệt hại tài sản khoảng 3,8 tỷ đồng.

³⁷ VA/GO ngành công nghiệp là 23,26, giảm 0,22% so với cùng kỳ.

các địa phương⁽³⁸⁾; công tác xác minh tiêu hủy chưa kịp thời, có tình trạng vớt xác lợn chết ra ngoài môi trường làm lây lan dịch bệnh, gây bức xúc trong nhân dân và dư luận. Tình trạng vi phạm Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai còn xảy ra.

Việc chấp hành pháp luật trong đầu tư, phát triển các cụm công nghiệp còn hạn chế; tiến độ đầu tư một số chương trình, dự án chậm. Hạ tầng nhiều khu, cụm công nghiệp chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, nhất là hệ thống xử lý nước thải.

Tiến độ một số dự án trọng điểm chậm như: Đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang; đoạn bổ sung kéo dài dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT 293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm; Nhà thi đấu Thể thao tỉnh; dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông – vay vốn ADB.... Một số dự án được giao kế hoạch vốn tương đối lớn hiện vẫn chưa khởi công⁽³⁹⁾. Tỷ lệ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công thấp hơn cùng kỳ. Một số địa phương còn chậm phân bổ chi tiết kế hoạch vốn⁽⁴⁰⁾.

Công tác triển khai các dự án đầu tư theo hình thức BT còn nhiều tồn tại, vướng mắc; quá trình thực hiện phát sinh nhiều khó khăn, nhất là trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, bồi thường, GPMB, thanh toán dự án.

Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa được được cải, chưa tương xứng với sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh. Chất lượng các dự án đầu tư chưa được cải thiện nhiều⁽⁴¹⁾.

Thu tiền sử dụng đất vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nội địa và có xu hướng tiếp tục tăng. Nợ thuế vẫn còn lớn và tăng so với thời điểm 31/12/2018. Nợ đọng trong XDCB ở một số huyện và ở cấp xã vẫn còn cao.

Việc lập quy hoạch đô thị còn thiếu đồng bộ; tiến độ lập, thẩm định, quản lý quy hoạch còn chậm, chất lượng chưa cao. Một số dự án đô thị triển khai chậm, quy mô nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật - xã hội. Tình trạng tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; bán hàng rong ở lòng đường, vỉa hè, thi công trái phép trên hành lang an toàn giao thông còn diễn ra.

Công tác quản lý xây dựng không phép, trái phép ở khu vực thị trấn, thị tứ và vùng nông thôn diễn ra phổ biến. Việc xóa bỏ lò vồng sản xuất gạch nung còn chậm so với kế hoạch đề ra.

Công tác quản lý đất đai vẫn còn nhiều tồn tại chậm được khắc phục. Tiến độ cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ sau đo đạc bản đồ địa chính chậm, tỷ lệ cấp đổi chưa cao; công tác đo đạc bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSDĐ còn nhiều khó khăn, chất lượng chưa cao, nhiều nơi phải đo đạc lại, chỉnh lý.

Khai thác đất san lấp, đất sét gạch, ngói và cát, sỏi lòng sông, bãi bồi ven sông trái phép tại một số địa phương vẫn còn diễn ra, chưa được ngăn chặn kịp thời, xử lý

³⁸ Dịch bệnh đã xảy ra tại 228/230 xã, phường, thị trấn của 10/10 huyện, thành phố, hiện tại dịch bệnh vẫn tiếp tục lây lan.

³⁹ Như: Khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang là 202 tỷ đồng (trong đó: 198,15 tỷ đồng giao đầu năm)

⁴⁰ Như: Huyện Lục Ngạn chưa phân bổ chi tiết vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM, huyện Sơn Động chưa phân bổ chương trình 135.

⁴¹ Theo kết quả rà soát, công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn đa số đến từ Trung Quốc, chiếm 52%; các dự án sử dụng công nghệ từ các nước phát triển như G7 chỉ chiếm 15%, còn lại là các nước OECD và các nước khác chiếm 33%.

triệt để, ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan, gây thất thu ngân sách. Còn nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản (đất, than, quặng) vẫn chưa thực hiện việc lắp đặt trạm cân, camera giám sát theo quy định.

Tình trạng vứt rác bừa bãi không đúng nơi quy định còn nhiều, chưa được giải quyết dứt điểm; ô nhiễm môi trường nông thôn chưa được cải thiện nhiều; các bãi rác tự phát, gây ô nhiễm có hiện tượng tái diễn tại một số địa phương. Còn có một số doanh nghiệp vi phạm pháp luật về môi trường, gây bức xúc trong nhân dân.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

Quy hoạch trường, lớp còn thiếu tính tổng thể; cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục; định hướng phát triển và quản lý giáo dục ngoài công lập chưa tốt; tình trạng dạy thêm, học thêm còn diễn ra.

Chất lượng khám chữa bệnh ở một số cơ sở còn hạn chế. Công tác XHH y tế tại một số bệnh viện, trung tâm y tế còn chậm, hiệu quả chưa cao. Các hoạt động lập hồ sơ sức khỏe người dân đều chậm so với kế hoạch. Số sinh con lần thứ 3 trở lên và tỷ số giới tính khi sinh tăng cao ở hầu hết các địa phương⁽⁴²⁾. Công tác kiểm soát vệ sinh ATTP gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn⁽⁴³⁾.

Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở chưa đồng bộ, chênh lệch nhiều giữa miền núi và miền xuôi; ít khu vui chơi, giải trí cho trẻ em; nhiều nơi chạy theo hình thức để về đích nông thôn mới, hiệu quả chưa cao.

Việc ban hành, triển khai thực hiện văn bản quản lý nhà nước trong lĩnh vực di tích còn thiếu, chưa đồng bộ, việc xếp hạng một số di tích chưa thực chất. Quản lý di tích còn lúng túng, thiếu đồng nhất; vi phạm trong công tác trùng tu tôn tạo di tích còn khá phổ biến, còn trông chờ, ỷ nại vào nhà nước.

Công tác quản lý nhà nước về BHHX còn thiếu đồng bộ, còn bỏ sót đối tượng. Hệ thống số liệu chưa đồng bộ, thiếu chính xác. Việc xử lý vi phạm về BHHX mới dừng lại ở nhắc nhở, chưa đủ sức răn đe nên còn tình trạng nợ đọng, trốn đóng. Đối tượng tham gia BHHX tự nguyện còn thấp.

Ý thức chấp hành đúng các quy định của pháp luật về an toàn - vệ sinh lao động của một số doanh nghiệp và người lao động còn kém, còn nhiều lao động cố tình làm sai hồ sơ để được hưởng chế độ BHTN. Tình trạng đình công, ngừng việc tập thể còn diễn ra. Chất lượng đào tạo nghề chưa cao. Tình hình tai nạn, thương tích nhất là tai nạn đuối nước, xâm hại trẻ em vẫn còn diễn ra ở một số địa phương⁽⁴⁴⁾.

3. Lĩnh vực nội chính

Việc tham mưu xây dựng một số chính sách, văn bản QPPL của một số cơ quan, đơn vị còn chậm, chất lượng chưa cao. Một số sở ngành chưa quan tâm đến hệ thống hóa văn bản. Một số địa phương chậm triển khai kế hoạch, chương trình phổ biến giáo dục pháp luật.

⁴² Ước đến 30/6/2019, dân số toàn tỉnh 1.694.350 người; tăng 16.350 người so với cùng kỳ; số trẻ em sinh ra là 11.400 trẻ, tăng 207 trẻ; tỷ lệ sinh con lần thứ 3 trở lên là 15,3 tăng 2,86%; tỷ số giới tính khi sinh nam/100 nữ là: 119 nam/100 nữ, tăng 6%.

⁴³ Đã xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể tại huyện Tân Yên với 76 người bị mắc.

⁴⁴ Trong 6 tháng, có 07 trẻ em bị tai nạn thương tích làm tử vong 5 trẻ em (trong đó có 04 vụ đuối nước làm tử vong 4 em; có 03 trẻ em bị xâm hại tình dục (huyện Tân Yên, Lục Ngạn và Yên Dũng), tăng 01 vụ.

Công tác quản lý hoạt động đăng kiểm, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ còn dễ xảy ra sai phạm⁴⁵; công tác quản lý bến thủy nội địa, bến khách ngang sông một số nơi còn hạn chế. Tình trạng xe vi phạm tốc độ, chạy sai lộ trình, truyền dữ liệu, thời gian lái xe, dừng đỗ không đúng nơi quy định còn xảy ra tại nhiều tuyến đường. Tai nạn giao thông có giảm song vẫn ở mức cao; tình trạng xe quá khổ, quá tải chưa được xử lý triệt để.

Hoạt động tôn giáo, đăng ký hoạt động tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, việc chuyển chuyên các chức sắc, chức việc, nhà tu hành không chấp hành theo đúng quy định của nhà nước vẫn còn diễn ra.

Việc công dân tụ tập thành đoàn đông người lên tỉnh và ra Trung ương khiếu kiện vẫn còn diễn ra; một số vụ việc KNTC chưa được tập trung giải quyết, vẫn có vụ việc bị hủy, yêu cầu giải quyết lại; tiến độ giải quyết một số vụ việc KNTC theo kế hoạch đợt cao điểm còn chậm.

Tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm có xu hướng tăng như: tội dâm ô, giao cấu với trẻ em, trộm cắp, cướp giật, ma túy, vi phạm quản lý nhà nước về kinh tế... Hoạt động theo kiểu xã hội đen, bảo kê, đòi nợ thuê vẫn ngấm ngầm hoạt động, gây mất trật tự an toàn xã hội, bức xúc trong dư luận. Xảy ra tình trạng “cò đất” thông đồng, đùn giá, gây mất trật tự, thất thu ngân sách trong công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, mâu thuẫn, thường xuyên thay đổi gây khó khăn nhất định cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện. Một số lĩnh vực mới lần đầu triển khai trong khi các quy định pháp luật có nhiều thay đổi, chưa đầy đủ, rõ ràng, đặc biệt về đầu tư theo hình thức BT.

Năng lực tài chính, quản lý, công nghệ, khả năng cạnh tranh... của nhiều doanh nghiệp còn thấp, chưa thích ứng kịp thời với những biến động của thị trường, chưa tham gia được nhiều vào chuỗi sản xuất. Ý thức chấp hành các quy định của một số doanh nghiệp chưa tốt, có biểu hiện không hợp tác, cố tình hiểu sai, cố tình vi phạm quy định pháp luật, nhất là trên các lĩnh vực như: Quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, vệ sinh ATTP...

Tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến khó lường ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của một số địa phương, đơn vị có mặt chưa đáp ứng với yêu cầu. Chưa quyết liệt trong chỉ đạo điều hành; quá trình thực hiện thiếu kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vi phạm nên để một số vụ việc chậm được xử lý, hiệu quả thấp. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm, như: Đầu tư, xây dựng, TNMT, BHXH, KNTC...

Một số sở, ngành, địa phương chưa chú trọng đến công tác thi hành pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính, để xảy ra vi phạm trên một số lĩnh vực. Công tác

⁴⁵ Sai phạm nghiêm trọng tại Trung tâm đăng kiểm 9803D, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã trực giấy phép kinh doanh.

dự báo năm tình hình thực hiện chưa tốt; chế độ thông tin tin báo cáo chưa kịp thời, chất lượng không cao.

Chưa chú trọng đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, dẫn đến sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân còn hạn chế.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ công chức cấp xã về Luật Tổ chức chính quyền địa phương còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực và trình độ chuyên môn còn yếu; việc nắm và vận dụng pháp luật trong thi hành công vụ hiệu quả chưa cao; thái độ phục vụ chưa đúng mực.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG VÀ CÁC MỤC TIÊU 6 THÁNG CUỐI NĂM

Dự báo tình hình sản xuất 6 tháng cuối năm tương đối thuận lợi. Ngành công nghiệp tăng trưởng mạnh do một số doanh nghiệp lớn sản xuất ổn định và một số doanh nghiệp mới vào hoạt động. Ngành xây dựng tiếp tục tăng trưởng khá do việc giải ngân các dự án trọng điểm vốn đầu tư công được đẩy mạnh, đầu tư tư nhân tiếp tục tăng. Dịch vụ duy trì ổn định, dư nợ tín dụng và thị trường bất động sản tăng cao. Tuy nhiên, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản dự báo tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn thách thức do tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh; bên cạnh đó, một số tồn tại, hạn chế trong nội tại nền kinh tế, chậm được khắc phục... sẽ là trở ngại lớn, cản trở đến việc thực hiện mục tiêu năm 2019.

Với quyết tâm cao, UBND tỉnh cùng các cấp, các ngành phát huy những kết quả đạt được, không chủ quan trong chỉ đạo điều hành; tập trung mọi nỗ lực để vượt qua khó khăn, thách thức; triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Dự kiến 17/17 chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

(Chi tiết tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019 theo biểu kèm theo).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 6 THÁNG CUỐI NĂM

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2019; trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển; tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phấn đấu vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2019

Triển khai hiệu quả Đề án Đổi mới mô hình phát triển kinh tế đến năm 2030; chuẩn bị các bước triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết tại kỳ họp thứ 7 của HĐND tỉnh, khóa XVIII; đặc biệt là các chính sách để thúc đẩy phát triển những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, tạo động lực cho phát triển. Thường xuyên rà soát, đánh giá phương án tăng trưởng, tập trung chỉ đạo

đổi với các chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực đạt thấp, phấn đấu cao nhất để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra; cơ bản hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2016-2020. Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2020; dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025 (lần 1).

Tập trung tạo điều kiện để sớm triển khai đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Vina Solar (do Công ty TNHH Vina Solar làm chủ đầu tư); rà soát quỹ đất để quy hoạch mở rộng không gian phát triển công nghiệp, trọng tâm là hoàn thiện hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch và chấp thuận các dự án hạ tầng khu công nghiệp (KCN) như: KCN Quang Châu, KCN Việt Hàn; các KCN - đô thị - dịch vụ tại xã Yên Lư (huyện Yên Dũng); Hòa Phú, Xuân Cẩm - Hương Lâm (huyện Hiệp Hòa); Tụ Lạn - Bích Sơn - Trung Sơn (huyện Việt Yên)....

Triển khai cắm mốc giới định hướng quy hoạch các Khu, CCN làm cơ sở cho phát triển công nghiệp của tỉnh. Đảm bảo cung cấp đầy đủ điện, nước; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuyển dụng lao động, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà ở cho công nhân tại các KCN để hỗ trợ nhà đầu tư đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh

Nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy tập trung đất đai, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh tái cơ cấu trồng trọt theo hướng tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ. Quan tâm phát triển kinh tế rừng bền vững.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến của thị trường, tình hình dịch bệnh, kịp thời khuyến cáo người dân phát triển quy mô đàn chăn nuôi hợp lý. Cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi theo hướng chăn nuôi tập trung nâng cao hiệu quả, giá trị; phát triển hình thức chăn nuôi theo quy mô gia trại, trang trại; tổ chức lại vùng nuôi, xây dựng và tổ chức chuỗi liên kết khép kín theo hướng an toàn thực phẩm trong chăn nuôi. Tập trung cao cho công tác phòng chống dịch bệnh tả lợn châu Phi; tiếp tục triển khai các đợt cao điểm thực hiện chiến dịch toàn dân phòng chống bệnh dịch. Đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn người dân, chuẩn bị các điều kiện an toàn để tái đàn phát triển chăn nuôi khi hết dịch.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Tập trung cao, hoàn thành các tiêu chí và hồ sơ thẩm định đối với các xã đăng ký về đích trong tháng 10 năm 2019. Huyện Lạng Giang tập trung xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường công tác chăm sóc bảo vệ, phòng cháy rừng. Rà soát, đánh giá tổng thể quy hoạch thủy lợi, cân đối nguồn lực nâng cao hiệu quả công tác đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi. Rà soát, tập trung đầu tư các công trình thủy lợi. Chủ động công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa bão.

Thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư hình thành khu dịch vụ du lịch phức hợp, có quy mô lớn. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ động, tích cực hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận mặt bằng, triển khai dự án đầu tư, tạo động lực mạnh mẽ nhằm thu hút các dự án đầu tư du lịch, khai thác tốt nhất các tiềm năng, thế mạnh về du lịch gắn với phát triển kinh tế, tăng cơ cấu dịch vụ, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng để tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao quy mô lớn góp

phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân, hình thành được các khu đô thị mới văn minh. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như vận tải, tài chính, ngân hàng, bất động sản, dịch vụ xã hội...

(Kèm theo Danh mục các khu du lịch trọng điểm đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang)

2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, tạo động lực phát triển; đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước

Thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Kế hoạch hành động Nâng cao Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 và các năm tiếp theo của tỉnh Bắc Giang. Tích cực hỗ trợ để các dự án được chấp thuận đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm đi vào hoạt động; đồng thời, tạo điều kiện các dự án đã đi vào hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất tăng đóng góp cho nền kinh tế. Hoàn thiện dự thảo Quy chế phối hợp kiểm tra xử lý sau kiểm tra đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất triển khai chậm tiến độ, vi phạm Luật Đất đai. Tập trung xử lý cơ bản các dự án vi phạm theo Báo cáo kết quả rà soát các dự án đầu tư tại Kế hoạch 342/KH-UBND tỉnh.

Tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Tập trung thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo kế hoạch đã đề ra. Đẩy nhanh việc xác định giá trị doanh nghiệp, sớm hoàn thành việc chuyển đổi đối với Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Lục Nam.

Tập trung cao cho công tác bồi thường, GPMB; đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công. Tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư theo hình thức BT đang triển khai trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phong trào cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn giai đoạn 2017-2021, phấn đấu hoàn thành chương trình trong năm 2019.

Thực hiện nghiêm Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng, đổi mới phương pháp quản lý phát triển đô thị đảm bảo tính khoa học, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, xã hội, kế hoạch sử dụng đất, mạng lưới giao thông, điện, nước sạch,... đáp ứng yêu cầu phát triển. Thực hiện nghiêm việc kiểm tra, quản lý hoạt động xây dựng. Quản lý chặt chẽ trật tự xây dựng và nguồn nguyên liệu xây dựng, xử lý nghiêm các vi phạm; tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất gạch nung theo công nghệ lò vòng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các khu đô thị, khu dân cư mới. Rà soát, đánh giá phát triển các khu dân cư, nhất là ở cấp xã, tránh tình trạng phát triển nóng, ô ạt.

Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời các nguồn thu; ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn thuế. Tăng cường nuôi dưỡng các nguồn thu nhất là các khoản thu từ khối doanh nghiệp, hướng tới tăng thu bền vững, phấn đấu thu nội địa vượt 10% dự toán. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả trong phạm vi dự toán. Tiếp tục xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai. Tiếp tục tập trung giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong lĩnh vực quản lý đất đai, bồi thường, GPMB. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật, thực hiện nghiêm các quy trình đo đạc bản đồ, kịp thời chỉnh lý biến động bản đồ địa chính theo thực tế; xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai.

Tiếp tục thực hiện Kết luận 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về một số chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm đối với các hoạt động liên quan đến khoáng sản, an ninh trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường trong khai thác, vận chuyển đất, đá, cát sỏi. Gắn trách nhiệm của chủ tịch UBND cấp huyện, xã trong công tác quản lý, xử lý các trường hợp để xảy ra vi phạm kéo dài mà không ngăn chặn, giải quyết kịp thời theo thẩm quyền hoặc không kịp thời báo cáo lên cấp trên. Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định pháp luật.

Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng, hiệu quả các đề tài, dự án khoa học và công nghệ nhất là các dự án có khả năng ứng dụng và nhân rộng. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư. Hoàn thành trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, giai đoạn 2020-2025; chính sách phát triển, thu hút các nhà khoa học có trình độ cao, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2020-2025.

4. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội

Đổi mới công tác quản lý giáo dục và các hoạt động giáo dục, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, chuẩn bị điều kiện triển khai chương trình sách giáo khoa mới theo kế hoạch. Tiếp tục rà soát, sáp nhập các trường phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực, cơ sở vật chất hiện có. Triển khai đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, hoàn thành việc giải quyết tình trạng thiếu nhà vệ sinh trường học trong năm 2019. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên; bố trí sắp xếp cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo cho năm học mới; đồng thời có giải pháp hiệu quả thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2019-2020.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, phát triển kỹ thuật cao, năng lực giám sát, phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tạo chuyển biến rõ nét trong việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các cơ sở y tế công lập. Tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ sở y, dược ngoài công lập, việc sử dụng thuốc trong khám, chữa bệnh. Triển khai hiệu quả kế hoạch về công tác dân số trong tình hình mới.

Chủ động nắm chắc tình hình đời sống của nhân dân, nhất là đối với các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo để có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm. Chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về BHXH; đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện; tiến hành cập nhật, bổ sung dữ liệu hướng tới hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh về BHXH.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Thực hiện nghiêm Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang lễ hội và một số lễ nghi sinh hoạt cộng đồng khác trên địa bàn tỉnh. Đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2015-2020. Khẩn trương rà soát việc xếp hạng và triển khai xếp hạng di tích đảm bảo thực chất, đúng quy định; khắc phục tình trạng trùng tu, tôn tạo di tích tùy tiện, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành của di tích lịch sử - văn hóa.

5. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử nâng cao chất lượng CCHC. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả theo kế hoạch. Chủ động nắm chắc tình hình, nhanh chóng ổn định hoạt động của các xã, thôn được sáp nhập; đồng thời, giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh sau sáp nhập.

Triển khai mạnh mẽ, toàn diện công tác cải cách hành chính; thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, đơn giản hóa các thủ tục để giảm bớt chi phí, thời gian cho doanh nghiệp, người dân. Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện; đề cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đối với các cơ quan dân cử, nhân dân về các lĩnh vực như đất đai, tài chính, KNTC... Đổi mới phương thức lãnh đạo, gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ. Tăng cường hiệu quả công tác thi hành pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực.

Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức về Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Rà soát các quy chế, quy định và việc phân công, phân cấp để điều chỉnh kịp thời, đảm bảo đồng bộ, thuận tiện khi triển khai thực hiện. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh, linh hoạt, kịp thời. Nâng cao tính sáng tạo, chất lượng công tác tham mưu, xây dựng, thẩm định các cơ chế, chính sách, tạo sự chuyển biến, đột phá trên các lĩnh vực. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết KNTC, giải quyết các vấn đề bức xúc.

Tập trung hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2019. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh; xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự. Mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp những ổ nhóm tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, bảo kê, đòi nợ thuê, trộm cắp... Chú trọng công tác nắm tình hình, quản lý chặt đối tượng tại địa bàn, kịp thời phát hiện những đối tượng có biểu hiện nghi vấn để răn đe, giáo dục, phòng ngừa vi phạm.

Duy trì thực hiện nghiêm túc công tác tổ chức tiếp công dân ở các cấp, các ngành; khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong việc tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn. Thực hiện hiệu quả đợt cao điểm về giải quyết KNTC trên địa bàn tỉnh. Giải

quyết kịp thời các vụ việc KNTC mới phát sinh theo đúng quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng giải quyết KNTC của cấp huyện; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quyết định, kết luận giải quyết KNTC, tập trung thực hiện dứt điểm các quyết định, kết luận còn tồn đọng.

Chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra nhất là thanh, kiểm tra chuyên ngành. Triển khai hiệu quả Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Tập trung kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về nồng độ cồn, tốc độ lái xe, hành lang an toàn giao thông, xe quá khổ, quá tải... Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống cháy, nổ.

7. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phối hợp tốt với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Thực hiện phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, HĐND các cấp trong việc kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện các nhiệm vụ. Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ các tổ chức xã hội, hội, hiệp hội và của nhân dân trong mọi lĩnh vực, tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

Chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng và Nhà nước và những vấn đề dư luận quan tâm. Đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng dân chủ, đưa thông tin xấu, sai sự thật.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của năm 2019 đã đề ra; các cấp, các ngành cần phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp trọng tâm, năng động, sáng tạo, hành động quyết liệt với quyết tâm cao nhất hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. / *ly*

Nơi nhận: *ly*

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Các ĐB dự kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Các Ban của Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Văn phòng TU, HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.
- * *Bản điện tử:*
- VP.UBND tỉnh;
- + LĐVP;
- + Các phòng, đơn vị, TKCT.

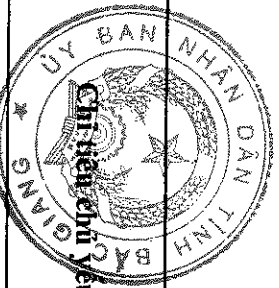
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 73 /BC-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh)



STT	Đơn vị	KH 5 năm 2016-2020	Thực hiện 6 tháng 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	UTTH năm 2019	So sánh TH		
							Cùng kỳ	Kế hoạch	
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	10-11	13.31	16.0	15.78	16.0	-	-
	Nông - Lâm, thủy sản	%	3,0-3,5	2,91	1,0	-4,42	-6,3	-	-
	Công nghiệp - Xây dựng	%	14-15	21,60	24,5	27,08	28,9	-	-
	<i>Trong đó: + Công nghiệp + Xây dựng</i>	%	15,5-16,5	23,86	27,0	30,07	26,5	-	-
	Dịch vụ	%	8,2-8,8	11,04	10,0	10,14	12,3	-	-
	Thuế sản phẩm	%	8,5-9,5	6,77	7,5	6,54	7,8	-	-
	Thuế sản phẩm	%	-	6,82	8,5	10,88	8,5	-	-
2	GRDP bình quân đầu người	USD	2.800-3.000	-	2.700	-	2.700	-	-
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.200	5,262	8,156	5,478	10,340	104,1	67,2
4	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	230.000	16,087	50,000	20,695	50,000	128,6	41,4
5	Kim ngạch xuất khẩu	10 ⁶ USD	6.500	3,140	8,400	3,150	8,400	100,3	37,5
	<i>Kim ngạch nhập khẩu</i>	10 ⁶ USD	6.420	3,000	8,000	3,000	8,000	100,0	37,5
6	Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp	Triệu đồng	110-120	-	100-105	-	100	-	-
7	Tỷ lệ dân số đô thị	%	22,3	14,9	20,5	15,4	20,5	-	-
8	Số lượt khách du lịch đến tỉnh	10 ³ Người	1.000	950	2.000	1.600	2.000	168,4	80,0
9	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%		35,5	54,4	45,80	54,4	-	-
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	90	83,2	90,6	85,6	90,6	-	-

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	KH 5 năm 2016-2020	Thực hiện 6 tháng 2018	Kế hoạch năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	UTH năm 2019	So sánh TH 6 tháng (%)	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
11	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020	%	100	94.8	97.8	96.5	97.8	-	-
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	25	24.6	27.5	27.5	27.5	111.8	100.0
	Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT	%	96,3	93.5	98.8	95.6	98.8	-	-
	Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá	%	85	-	85	-	85	-	-
	Tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố văn hoá	%	65	-	70	-	70	-	-
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	35-40	-	43.1	-	43.1	-	-
13	Tỷ lệ hộ nghèo	%	3,93	-	5.29	-	5.29	-	-
	Trong đó: Các xã đặc biệt khó khăn giảm	%	27,48	-	31.48	-	31.48	-	-
14	Số lao động được giải quyết việc làm	Người/năm	29.500	16,610	29,700	16,668	29,700	100.3	56.1
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70	60.6	66.5	64.8	66.5	-	-
15	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	90	80.4	84.1	83.4	84.1	-	-
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95	93.0	94.3	93.6	94.3	-	-
16	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	96	59.5	72.1	69.7	72.1	-	-
	Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	90	88.0	92.3	91.7	92.3	-	-
17	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	38	37.3	37.8	37.6	37.8	-	-

DANH MỤC KHU DU LỊCH TRỒNG ĐIỂM ĐẾN NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Báo cáo số: 73 /BC - UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang)



TT	Tên mục khu du lịch	Địa điểm	Diện tích đất dự kiến sử dụng (ha)	Ghi chú
1	Khu đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Khuôn Thân - Bắc Giang	Xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn	873	Vị trí, ranh giới dự kiến: Thôn Khuôn Thân, thôn Hà, xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn. Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất; Phía Nam giáp đất rừng sản xuất và khu dân cư xã Kiên Lao; Phía Đông giáp đất rừng sản xuất; Phía Tây giáp đất rừng sản xuất và Hồ Khuôn Thân.
2	Khu đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Hồ Cao - Bắc Giang	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	420	Vị trí, ranh giới dự kiến: Thuộc xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang. Phía Bắc giáp Quốc lộ 37 và khu đất rừng sản xuất xã Hương Sơn; Phía Đông giáp khu đất rừng sản xuất; Phía Nam giáp khu đất rừng sản xuất; Phía Tây giáp khu dân cư xã Hương Sơn.
3	Khu đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao Hương Mai - Trung Sơn, huyện Việt Yên	Xã Hương Mai, xã Trung Sơn và xã Bích Sơn, huyện Việt Yên	220	Vị trí, ranh giới dự kiến: Thuộc các xã Hương Mai, Trung Sơn và Bích Sơn, huyện Việt Yên. Phía Bắc giáp khu dân cư thôn Sơn Quang, xã Trung Sơn; thôn Đông Lành, xã Hương Mai. Phía Nam giáp khu dân cư thôn Nhâm Chọ, thôn Núi, xã Trung Sơn. Phía Đông giáp Khu dân cư Thôn Ai Quang, xã Trung Sơn; thôn Văn, xã Bích Sơn. Phía Tây giáp khu dân cư thôn Đông, thôn Nguyễn, xã Trung Sơn.
4	Khu đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao Chu Điện - Khám Lạng - Yên Sơn, huyện Lục Nam	Xã Chu Điện, xã Khám Lạng và xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	257	Vị trí, ranh giới dự kiến: Thuộc các thôn Hà Tú, Mẫu Sơn và Hà Mỹ, xã Chu Điện; thôn Đình, xã Khám Lạng; Thôn 17 và thôn Quyết Tâm, xã Yên Sơn. Phía Bắc giáp thôn Hà Tú, Mẫu Sơn và Hà Mỹ, xã Chu Điện; Phía Nam giáp thôn Đình, xã Khám Lạng; thôn 17 và thôn Quyết Tâm, xã Yên Sơn; Phía Đông giáp thôn Giảng, xã Khám Lạng và thôn Đồi Gai, xã Chu Điện; Phía Tây giáp thôn Mai Thương, xã Yên Sơn và thôn Hà Mỹ, xã Chu Điện.
5	Khu đô thị, du lịch tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng Nham Biền, huyện Yên Dũng	Xã Nham Sơn, xã Tân Liễu và thị trấn Neo, huyện Yên Dũng	400	Vị trí, ranh giới toàn khu dự kiến: Thuộc các thôn Kem, Minh Phương xã Nham Sơn; thôn Liễu Nham xã Tân Liễu; Tiểu khu 1, tiểu khu 2, tiểu khu 3, tiểu khu 4, tiểu khu 5, tiểu khu 6 thị trấn Neo. Phía Bắc giáp Núi Nham Biền; Phía Nam giáp thôn Kem, Minh Phương, xã Nham Sơn, Tiểu khu 1, 2, 3, 4, 5, 6 thị trấn Neo; Phía Đông giáp thôn Liễu Nham, xã Tân Liễu; Phía Tây giáp Núi Nham Biền.

